

## KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG ĐỊA LAN KIẾM NHẬP NỘI TẠI MỘC CHÂU – SƠN LA

Đặng Văn Đông<sup>1</sup>, Đặng Tiến Dũng<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Hoa địa lan kiếm (*Cymbidium sp.*) rất đa dạng về màu sắc, hình dáng, hoa rất sang trọng và được rất nhiều người yêu thích, đặc biệt vào mỗi dịp tết đến xuân về. Hoa địa lan kiếm cũng là một trong những loài hoa đem lại một nguồn lợi kinh tế lớn đối với ngành sản xuất hoa. Bên cạnh những giống hoa địa lan kiếm bản địa, truyền thống vẫn tiếp tục được nghiên cứu và phát triển, thì trong những năm gần đây các giống hoa địa lan kiếm nhập nội đã được nghiên cứu và đưa vào trồng khảo nghiệm tại Việt Nam. Đến nay đã xác định được giống Vàng Hoàng Đế và Xanh Đá Quý là 2 giống có khả năng chống chịu sâu bệnh hại, sinh trưởng, phát triển tốt; năng suất và chất lượng hoa, màu sắc hoa rất được ưa chuộng. Khi đưa 2 giống địa lan kiếm trên ra khảo nghiệm tại xã Quyết Chiến – Tân Lạc – Hòa Bình, xã Chiềng Đi – Mộc Châu – Sơn La, kết quả cho thấy chúng đều sinh trưởng tốt và phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng. Trồng hoa địa lan kiếm trong điều kiện, ẩm độ giá thể 76% - 85% cây sẽ có tỷ lệ sống và chất lượng hoa cao nhất; giá thể phù hợp trồng địa lan kiếm là sử dụng giá thể 100% vỏ thông, sử dụng phân bón Plant-Soul 20-20-20+TE ( nồng độ 200 ppm) sẽ cho cây sinh trưởng, phát triển tốt nhất.

**Từ khóa:** Hoa địa lan kiếm (*Cymbidium sp.*), Vàng Hoàng Đế, Xanh Đá Quý.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa địa lan kiếm (*Cymbidium sp.*) là một chi thực vật gồm 52 loại thuộc họ Lan. Hoa địa lan là những loài thân thảo, đa niên, dễ nhánh hàng năm tạo thành những bụi nhỏ. Hoa địa lan kiếm có nhiều màu sắc khác nhau như: màu đỏ, xanh, tím, vàng...

Trong những năm vừa qua, hoa địa lan kiếm đã được nhập từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan về cung cấp cho thị trường Việt Nam vào dịp tết Nguyên Đán. Để lựa chọn các giống hoa địa lan kiếm nhập nội phù hợp với điều kiện sinh thái, khí hậu đặc trưng như Đà Lạt (Lâm Đồng), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Mộc Châu (Sơn La), Sa Pa (Lào Cai) ... nghiên cứu tuyển chọn được những giống hoa địa lan kiếm phù hợp với điều

kiện sinh thái của những địa phương trên sẽ có ý nghĩa rất lớn cho việc phát triển ngành sản xuất hoa nói chung và việc phát triển hoa địa lan kiếm nói riêng.

Để đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng, đồng thời xây dựng biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoa và hiệu quả kinh tế, đã tiến hành thực hiện đề tài: “Nghiên cứu tuyển chọn giống hoa địa lan kiếm nhập nội tại Mộc Châu – Sơn La”.

### 2. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Bao gồm 6 giống hoa địa lan kiếm nhập nội từ Trung Quốc

TT	Tên giống	Kí hiệu	Màu sắc hoa	Năm nhập nội
1	Đỏ Mỹ Nhân	DMN	Tím sẫm sáng	2012
2	Vàng Hoàng Đế	VHD	Vàng sáng	2012
3	Dương Quý Phi	DQP	Vàng cam	2012
4	Thác Đỏ	TD	Trắng sáng	2012
5	Xanh Đá Quý	XDQ	Trắng hồng nhạt	2012
6	Hồng Đào	HD	Xanh ngọc	2012

#### 2.2 Nội dung nghiên cứu

\* Nghiên cứu, đánh giá đặc điểm hình thái giống, khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng của các giống nhập nội.

\* Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật là tăng năng suất chất lượng hoa của giống Vàng Hoàng Đế.

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Rau Quả

#### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Giống địa lan kiếm nhập nội thí nghiệm là cây 24 tháng tuổi, được đặt trên giàn cao 55 cm, rộng 1,2 m, mật độ 9 cây/m<sup>2</sup>. Diện tích ô thí nghiệm là 180 m<sup>2</sup>. Địa điểm bố trí thí nghiệm là Mộc Châu – Sơn La. Thời điểm bố trí thí nghiệm 10/3/2013.



- Thí nghiệm đánh giá, so sánh giống: Thí nghiệm bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ, 3 lần nhắc lại, mỗi giống 30 cây. Giá thể sử dụng là vỏ thông (đã được hút hết nhựa, được nghiền nhỏ), các biện pháp kỹ thuật chăm sóc địa lan nhập nội được áp dụng như nhau. Mỗi công thức đo đếm 30 cây, 10 ngày đo 1 lần.

- Thí nghiệm ẩm độ trong giá thể: Tưới một lượng nước vào chậu cây ( giá thể) sau đó dùng máy đo ẩm độ chuyên dụng kiểm tra ẩm độ ở các mức: 55% - 65%, 66% -75%, 76% -85%, 86% - 95% .

- Thí nghiệm nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật làm tăng năng suất chất lượng hoa của giống Vàng Hoàng Đế. Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại. Địa điểm bố trí thí nghiệm là Mộc Châu – Sơn La. Thời điểm bố trí thí nghiệm 1/4/2013.

#### 2.4. Các chỉ tiêu theo dõi

Các chỉ tiêu được đo đếm trên các chậu lan cố định trong thí nghiệm, sau đó lấy kết quả trung bình.

\* Chỉ tiêu giai đoạn sinh trưởng:

Chiều dài lá (cm): Đo từ gốc lá đến ngọn lá.

Chiều rộng lá (cm): Đo ở chỗ có chiều rộng nhất của lá.

Đường kính thân (cm<sup>2</sup>): Dùng thước palme đo ở chỗ lớn nhất của thân.

Màu sắc lá: Xanh đậm, xanh vàng, xanh nhạt.

\* Chỉ tiêu giai đoạn phát triển:

Chiều dài ngồng hoa (cm): Đo từ điểm hình thành hoa đến hết hoa cuối cùng.

Số lượng hoa/ ngồng: Tổng số hoa trên ngồng/tổng số ngồng đo đếm.

Đường kính ngồng hoa (cm): Dùng thước palme đo từ chỗ bật ngồng lên 10 cm.

Chiều dài nụ hoa (cm): Đo từ cuống hoa đến đỉnh nụ.

Đường kính hoa (cm): Đo ở chỗ đường kính hoa lớn nhất.

Tỷ lệ phân hóa mầm hoa (%): Tổng số cây phân hóa mầm hoa/ tổng số cây mang thí nghiệm.

Độ bền 1 hoa (ngày): Tính từ khi hoa nở đến khi hoa bắt đầu tàn.

Độ bền cụm hoa: Tính từ khi hoa đầu tiên nở đến hoa cuối cùng tàn.

Tỷ lệ cây sống (%): Tổng số cây sống/ tổng số cây mang thí nghiệm.

\* Tình hình sâu bệnh hại: theo dõi 3 loại bệnh và 2 loại sâu hại chính.

Bệnh hại: Cháy lá, thối mềm vi khuẩn, thối thân.

Sâu hại: Sâu đục thân, sâu ăn lá

Cấp sâu, bệnh hại: theo Tiêu chuẩn 10TCN 224-2003 Nông nghiệp Việt Nam.

Bệnh hại		Sâu hại
Cấp 1:	< 1% diện tích lá	Cấp 0: Không bị hại
Cấp 3:	1-5% diện tích lá	Cấp 1: Nhẹ (Vết đục, cắn xuất hiện rải rác)
Cấp 5:	5-25% diện tích lá	Cấp 2: Trung bình (<1/3 số lá trên cây)
Cấp 7:	25-50% diện tích lá	Cấp 3: Nặng (> 1/3 số lá trên cây)
Cấp 9:	>50% diện tích lá	

\* Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu được xử lý bằng phần mềm IRRISTAT 5.0.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Kết quả đánh giá, so sánh giống

##### 3.1.1. Đặc điểm hình thái thân lá của các giống địa lan kiểm

**Bảng 1. Đặc điểm hình thái thân lá của một số giống địa lan nhập nội**

Giống	Màu sắc thân	Màu sắc lá	Dạng lá
DMN	Xanh nhạt	Xanh vàng	Dài, đầu lá nhọn, mặt lá nhẵn xanh vàng óng, Mặt dưới gân chính nổi gờ rõ phân 2 nửa có số gân bằng nhau. Góc lá có sọc kẻ rõ gồm 1 gân chính và 6 gân phụ.
VHD	Xanh đậm	Xanh đậm	Dài trung bình, mặt lá trên xanh đậm, nhẵn, mặt dưới có 1 gân chính và 4 gân phụ.



DQP	Xanh nhạt	Xanh nhạt	Dài trung bình, đầu lá nhọn, mặt trên xanh đậm, nhẵn, mặt dưới của lá gân lá phẳng phân chia đều giữa các gân phụ. Gốc lá có sọc lá chìm gồm 1 gân chính 8 gân phụ.
TD	Xanh vàng	Xanh đậm	Dài, đầu lá nhọn, mặt trên mịn, xanh đậm, mặt dưới gân nổi rõ, nhẵn, gốc lá gồm 1 gân chính và 8 gân phụ.
XDQ	Xanh vàng	Xanh vàng	Đầu lá hơi tù, mặt trên lá mịn, xanh vàng, mặt dưới có gân lá nổi rõ, gốc lá thẳng đứng chụm khít. Gốc lá có 1 gân chính và 4 gân phụ.
HD	Xanh vàng nhạt	Xanh nhạt	Dài, đầu lá nhọn mặt trên nhẵn xanh nhạt. Mặt dưới nhẵn có 6 gân phụ và 2 gân chính.

Nhìn chung các giống tham gia thí nghiệm khác nhau có màu sắc thân, màu sắc lá khác nhau, trong đó về màu sắc thân Vàng Hoàng Đế có màu sắc thân xanh đậm; các giống Đô Mỹ Nhân, Dương Quý Phi, Thác Đồ có màu xanh nhạt; Xanh Đá Quý có màu xanh vàng và cuối cùng Hồng Đào có màu xanh vàng nhạt. Màu sắc lá phản ánh khả năng thích ứng của giống là tốt hay không tốt.

Qua bảng 1 có thể thấy các giống đều có màu xanh; Vàng Hoàng Đế, Thác Đồ có màu sắc lá xanh đậm; Dương Quý Phi, Hồng Đào có màu

xanh nhạt và Đô Mỹ Nhân, Xanh Đá Quý có màu xanh vàng. Dạng lá cũng là một chỉ tiêu quan trọng thể hiện được đặc tính của giống nhờ các đặc điểm đó để nhận biết và phân loại thực vật, đánh giá đúng bản chất của các giống cây. Về kiểu lá dài hay ngắn, đầu lá nhọn như Hồng Đào, Thác Đồ, Dương Quý Phi, Đô Mỹ Nhân và các giống khác có đầu lá tù. Hầu hết các giống đều có 1 gân chính và các gân phụ dao động 4- 8 gân trên 1 lá.

3.1.2. Đặc điểm cấu trúc thân, lá của các giống địa lan kiếm

**Bảng 2. Đặc điểm hình thái các giống địa lan kiếm nhập nội**

Đơn vị tính: cm

Giống	Đường kính thân	Diện tích lá	
		Chiều dài	Chiều rộng
DMN	3,8	65	3,3
VHD	4,5	72	3,8
DQP	3,0	65	3,6
TD	3,3	64	3,2
XDQ	3,5	62	3,5
HD	4,2	66	3,5
LSD 0,05	0,36	5,57	0,34
CV(%)	5,3	4,7	5,4

Kết quả ở bảng 2 cho thấy:

Các chỉ tiêu đường kính thân, chiều dài lá và chiều rộng lá của 6 giống đều có sự khác nhau. Các giống có đường kính thân, chiều dài lá có sự chênh lệch nhau không quá lớn. Giống địa lan VHD có đường kính thân, chiều dài lá và chiều rộng lá lớn nhất lần lượt là 4,5 cm, 72 cm, 3,8 cm.

Chiều dài và chiều rộng lá không quyết định hoàn toàn đến chất lượng của hoa, nhưng sẽ ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ dinh dưỡng, khả năng quang hợp, khả năng kháng bệnh và ảnh hưởng đến chất lượng cây và hoa sau này.

3.1.3. Đặc điểm hình thái hoa của các giống địa lan kiếm

**Bảng 3. Đặc điểm hình thái hoa của một số giống địa lan kiếm nhập nội**

Giống	Màu sắc hoa	Thế hoa	Dạng hoa	Mùi thơm
-------	-------------	---------	----------	----------

